

Department of Education International

Chương trình Cư dân Tạm trú

Đơn xin miễn lệ phí vì lợi tức thấp

Một kế hoạch chức miễn lệ phí nhằm trợ giúp các gia đình lợi tức thấp mà không thể trả lệ phí học tập trong Chương trình Cư dân Tạm trú.

Mỗi đơn xin chức miễn được Ban Xét duyệt Chức miễn (Exemption Review Panel) xét riêng rẽ theo trường hợp và đòi hỏi ứng viên phải cung cấp thông tin và chứng từ để hỗ trợ cho đơn của mình. Ban Xét duyệt Chức miễn có thể cho phép ứng viên khỏi trả lệ phí học tập trong một thời gian, hoặc được phép trả lệ phí học tập qua kế hoạch trả góp, hoặc họ sẽ bác đơn xin chức miễn.

Hội đủ điều kiện để yêu cầu việc chức miễn

Xin tham khảo bản Liệt kê các Phụ hạng Visa & Điều kiện Ghi danh (Schedule of Visa Subclasses & Enrolment Conditions) trên trang mạng của chúng tôi để xác định xem phụ hạng visa của quý vị có hội đủ điều kiện để nộp đơn xin chức miễn lệ phí hay không.

Học sinh nào có, hoặc đang nộp đơn xin visa diện du khách (phụ hạng 600 đến 686 hoặc dạng điện tử tương đương 900s kể cả thẻ kinh doanh APEC), người có visa kinh doanh ngắn hạn (phụ hạng 400, 456 & 459), học sinh phụ thuộc (phụ hạng 500, 560, 563 và 570 đến 575), giám hộ của học sinh và người phụ thuộc của họ (phụ hạng 580 và 590), người tập sự buôn bán (phụ hạng 471), vừa du lịch vừa làm việc (phụ hạng 417) hoặc làm việc và du lịch (phụ hạng 462) không hội đủ điều kiện để được miễn lệ phí học tập của Chương trình Cư dân Tạm trú.

Ban Xét duyệt Chức miễn

Ban Xét duyệt Chức miễn sẽ thẩm định các đơn xin chức miễn. Tất cả các đơn phải nộp dưới hình thức văn bản dùng mẫu đơn kèm theo đây và gửi đến địa chỉ thư tín dưới đây và có kèm tất cả chứng từ hỗ trợ.

Để đảm bảo sự bình đẳng cho tất cả ứng viên trong tất cả tầng lớp dân số xã hội-kinh tế, việc sử dụng lợi tức sau thuế, chi phí sinh hoạt (tiền thuê nhà, đồ đạc, truyền hình trả phí, xe hơi, lệ phí vườn trẻ và giữ trẻ sau giờ học, hóa đơn điện nước v.v.), tổn phí cho việc di trú, việc trả thuế lợi tức Úc hoặc mục đích xin cấp visa đều không phải là những tiêu chuẩn mà Ban Xét duyệt Chức miễn sẽ xét đến trong việc cho phép miễn lệ phí.

Tất cả chức miễn mà Ban Xét duyệt Chức miễn quyết định là tối hậu và không được tái xét trừ khi sau đó có chứng cứ cho thấy việc giảm lợi tức thường niên tính gộp (trước thuế) của hộ gia đình và/hoặc gia tăng số con phụ thuộc của hộ gia đình.

Thời gian cứu xét của Ban Xét duyệt Chức miễn sẽ thay đổi tùy lượng công việc theo mùa. Một khi đã nhận được tất cả giấy tờ theo như yêu cầu, các đơn nộp thường được giải quyết trong vòng 10 ngày làm việc. Các ứng viên sẽ nhận được văn bản thông báo kết quả.

Thông tin cung ứng trong đơn nộp

Trong trường hợp cung cấp thông tin dối trá hoặc sai lạc trong đơn nộp, việc này có thể dẫn đến việc chấm dứt ghi danh và hành động pháp lý để thu hồi lệ phí học tập cho Bộ Giáo dục NSW. Ban Xét duyệt Chức miễn có thể kiểm chứng thông tin với chủ nhân sở làm, Bộ Di trú và Biên phòng (Department of Immigration and Border Protection) và Sở Thuế Vụ Úc (Australian Taxation Office).

Các dãy hỏi

Temporary Residents Program
Locked Bag 7004
Wollongong NSW 2520
AUSTRALIA

Muốn biết thêm thông tin về Chương trình Cư dân Tạm trú, vui lòng liên lạc:

T 1300 300 229 (gọi địa phương trong nước)
+61 2 9244 5555 (gọi từ ngoài nước)
W deinternational.nsw.edu.au/trp

Cung cấp chứng cứ lợi tức

Khi ứng viên nhận lợi tức từ việc làm có lương, Ban Xét duyệt Chức miễn cần có chứng cứ lợi tức. Chứng cứ gồm có phiếu lương (payslip) trong 3 tháng làm việc mới đây nhất. Chiếu theo *Đạo luật Công bằng Lao động 2009 (Fairwork Act 2009)*, tất cả chủ nhân phải cung cấp phiếu lương cho nhân viên. Nếu làm việc chưa tới 3 tháng, thì ứng viên phải cung cấp phiếu lương nào có sẵn và bản sao hợp đồng làm việc.

Tiến trình chức miễn đối với các ứng viên hội đủ điều kiện

Ứng viên nào nộp đơn xin chức miễn dựa vào lý do lợi tức thấp thì phải điền *Đơn xin miễn lệ phí vì lợi tức thấp (Application for fee exemption based on low income)*. Phần cuối của tờ thông tin này có kèm mẫu đơn.

Các đơn ghi danh mới tại Trường Công lập NSW

Đối với tất cả các đơn ghi danh mới, cần phải đáp ứng các yêu cầu sau đây đối với mỗi trẻ:

- Điền một *Đơn xin Cho phép Ghi danh (Application form for an Authority to Enrol)* của Chương trình Cư dân Tạm trú
- Khoản lệ phí hành chính là A\$110.00 (100 đô-la Úc) (không bồi hoàn).

Các ứng viên có Visa Bắc cầu

Nếu ứng viên và người phụ thuộc có Visa Bắc cầu (Bridging Visa), cần cung cấp thêm thông tin sau đây về tất cả những người trong gia đình:

- Bản sao Visa Bắc cầu hiện thời của tất cả những người trong gia đình.
- Chứng cứ của visa đã có trước đây của tất cả những người trong gia đình.
- Chứng cứ của đơn nộp xin visa mới nhằm xác nhận loại visa đã được nộp đơn xin.

Trả góp

Trong trường hợp đơn xin chức miễn lệ phí bị từ chối, Ban Xét duyệt Chức miễn có thể quyết định cho phép ứng viên được trả lệ phí học tập cho chương trình Cư dân Tạm trú qua hình thức trả góp. Ứng viên sẽ nhận được thư báo kết quả của việc nộp đơn và hóa đơn có tính thuế (tax invoice) cho lần trả góp đầu tiên sẽ được gửi cho ứng viên qua đường bưu điện.

Thông tin về quyền riêng tư

Tất cả thông tin cung cấp đến Ban Xét duyệt Chức miễn đều được bảo mật và sẽ chỉ được dùng cho mục đích xét đơn xin chức miễn lệ phí, chiếu theo các yêu cầu pháp lý hoặc luật lệ nào nếu có.


Thông tin quan trọng (Important information)

- Tất cả các câu hỏi phải được trả lời bằng tiếng Anh
- Đây không phải là đơn ghi danh vào trường Công lập NSW
- Học sinh cư dân tạm trú mà chưa bắt đầu ghi danh vào trường Công lập NSW thì trước tiên phải điền đơn *Application form for an Authority to Enrol* của Chương trình Cư dân Tạm trú
- Trước khi điền đơn nào xin chước miễn lệ phí, hãy kiểm tra xem mình có hội đủ điều kiện không, bằng cách đọc kỹ tất cả trang thông tin trong tài liệu này
- Học sinh đang có, hoặc đang nộp đơn xin các phụ hạng visa dưới đây không hội đủ điều kiện để được chước miễn lệ phí diện tài chánh khó khăn:

400, 417, 456, 459, 462, 471, 500, 570, 571, 572, 573, 574, 575, 580, 590, 600, 601, 651, 675, 676, 679, 685, 944, 956, 976, 977.

Đơn này là cho ai? Hãy cung cấp chi tiết của (các) học sinh mà đơn này nói đến. (Details of the student/students this form relates to.)

Danh số nộp đơn #1 Application number #1	<input type="text"/>	Tên học sinh #1 Student name #1	<input type="text"/>
Danh số nộp đơn #2 Application number #2	<input type="text"/>	Tên học sinh #2 Student name #2	<input type="text"/>
Danh số nộp đơn #3 Application number #3	<input type="text"/>	Tên học sinh #3 Student name #3	<input type="text"/>
Danh số nộp đơn #4 Application number #4	<input type="text"/>	Tên học sinh #4 Student name #4	<input type="text"/>
Danh số nộp đơn #5 Application number #5	<input type="text"/>	Tên học sinh #5 Student name #5	<input type="text"/>

- Khi nào dùng đơn này** Dùng đơn này nếu quý vị thuộc diện gia đình lợi tức thấp nộp đơn xin chước miễn lệ phí học tập của chương trình Cư dân Tạm trú.
- Mục đích của đơn này** Đơn này sẽ hỏi các câu liên quan đến tình trạng tài chánh của quý vị và giúp Ban Xét duyệt Chước miễn trong việc thẩm định đơn của quý vị.
- Ai là người nộp đơn** Người nộp đơn (ứng viên) là cha/mẹ mà sống chung với học sinh. Nếu học sinh không sống chung với cha/mẹ, thì giám hộ pháp lý sẽ đứng ra nộp đơn.
- Ai là trẻ phụ thuộc** Một trẻ phụ thuộc phải cư ngụ cùng địa chỉ với cha/mẹ và lệ thuộc tài chánh vào người cha/mẹ bảo trợ. Trẻ phụ thuộc phải ở độ tuổi dưới 25 tuổi. Nếu trẻ 18 tuổi trở lên, thì trẻ phải là học sinh toàn thời gian và học 20 giờ mỗi tuần.
- Nếu quý vị có người bạn đời** Quý vị phải cung cấp chi tiết của người bạn đời nếu có yêu cầu. Một người được xem là người bạn đời nếu quý vị và người đó:
 - đã kết hôn với nhau,
 - hoặc có mối quan hệ đã được đăng ký (khác phái hoặc cùng phái),
 - hoặc thường sống với nhau,
 - đang sống chung không hôn thú (cùng phái hoặc khác phái)
- Điền đơn này** Dùng viết đen và đánh dấu các ô bằng dấu hoặc . Phải trả lời bằng tiếng Anh đối với tất cả các câu hỏi. Khi quý vị thấy dấu hiệu  thì phải đính kèm các chứng từ cần đến.
- Nộp đơn** Các đơn đã điền xong cần được gửi qua bưu điện đến:
Temporary Residents Program:
Locked Bag 7004 Wollongong NSW 2520
- Hãy kiểm tra xem quý vị, người bạn đời và chủ nhân của quý vị đã trả lời tất cả câu hỏi và kèm theo tất cả giấy tờ cần cung cấp. Các đơn không hoàn chỉnh sẽ không được xét.
- Muốn biết thêm chi tiết** Hãy gọi đến chương trình Cư dân Tạm trú (Temporary Residents Program) qua số 1300 300 229 (trong nước Úc).

Đơn xin chức miễn lệ phí – lợi tức thấp (Application for fee exemption – low income)

1 Người đứng đơn (Người đứng đơn là người mẹ, người cha hoặc người giám hộ sống chung với học sinh)
Name of applicant

Danh hiệu
Title Ví dụ, Mr/Mrs/Ms/Miss/Dr/Prof/Other

Họ
Family name

Tên
Given name

2 Liên hệ đối với học sinh
Relationship to student Mẹ/Cha/Người giám hộ
 Mother/Father/Guardian

3 Địa chỉ
Address

Khu bưu chính
Postcode

Số điện thoại
Telephone numbers

Email
Email

4 Ngày sinh
Date of birth / /

ngày tháng năm

5 Danh số hộ chiếu
Passport number

6 Quốc gia cấp
Country of issue

7 Phụ hạng visa
Visa subclass Gồm có ba con số

Kèm chứng từ về visa & hộ chiếu (passport) hiện thời cho quý vị và tất cả trẻ em phụ thuộc

8 Quý vị đang có một Visa Bắc cầu (phụ hạng 010, 020, 030, 040, 041, 050, 051, 060, 070)? (Bridging Visa?)

Có Qua câu hỏi 10

Không Qua câu hỏi 11

9 Trước đây quý vị đã có phụ hạng visa nào? (Previous visa subclass)

Kèm chứng từ của phụ hạng visa trước đây của quý vị và tất cả trẻ em phụ thuộc.

10 Quý vị hiện đang xin phụ hạng visa nào? (Visa subclass applied for)

Kèm chứng từ của việc nộp đơn xin visa mới cho quý vị và tất cả trẻ em phụ thuộc

11 Quý vị có bạn đời không? (Do you have a partner?)

Một người được xem là bạn đời (partner) của quý vị nếu quý vị và người đó đã kết hôn, hoặc thường chung sống cùng nhau, hoặc có mối quan hệ có đăng ký (cùng phái hoặc khác phái), hoặc sống chung không hôn thú (cùng phái hoặc khác phái)

Có Qua câu hỏi 12

Không Qua câu hỏi 22

12 Tên người bạn đời (Partner name)

Danh hiệu
Title

Ví dụ, Mr/Mrs/Ms/Miss/Dr/Prof/Other

Họ
Family name

Tên
Given name

**13 Liên hệ đối với học sinh
Relationship to student**

*Mẹ/Cha/Người giám hộ
Mother/Father/Guardian*

**14 Địa chỉ
Address**

Khu bưu chính
Postcode

Số điện thoại
Telephone numbers


Email
Email

**15 Ngày sinh
Date of birth**

ngày tháng năm

**16 Danh số hộ chiếu
Passport number****17 Quốc gia cấp
Country of issue****18 Phụ hạng visa
Visa subclass**

Gồm có ba con số

 Kèm chứng từ về visa & hộ chiếu (passport) hiện thời cho quý vị và tất cả trẻ em phụ thuộc

19 Bạn đời của quý vị có Visa Bắc cầu (phụ hạng 010, 020, 030, 040, 041, 050, 051, 060, 070) không? (Does partner hold a Bridging Visa?)


Có Qua câu hỏi kế

Không Qua câu hỏi 22

20 Người bạn đời của quý vị đã có phụ hạng visa nào trước đây? (Partner's previous visa subclass)

 Kèm chứng từ của visa trước đây của người bạn đời và tất cả trẻ em phụ thuộc của quý vị

21 Phụ hạng visa nào mà người bạn đời của quý vị đang nộp đơn xin? (Visa subclass applied for by partner)

 Kèm chứng từ của việc nộp đơn xin visa mới cho người bạn đời và tất cả trẻ em phụ thuộc của quý vị

22 Có bao nhiêu trẻ em phụ thuộc vào quý vị và/hoặc người bạn đời của quý vị mà hiện đang sống chung với quý vị? (Number of dependant children)
 Số trẻ em (Number of children)
23 Ghi ra danh số nộp đơn (application number), họ tên và ngày sinh của tất cả trẻ em phụ thuộc (kể cả các trẻ em không theo học tại trường Công lập NSW). Application number, full name and date of birth for all dependant children.

Quý vị sẽ có danh số nộp đơn chỉ khi nào quý vị đã nộp đơn cho trẻ theo học qua Chương trình Cư dân Tạm trú. Bỏ trống mục danh số nộp đơn nếu quý vị không có.

Danh số nộp đơn Application number	Họ tên Full name	Ngày sinh Date of birth
1. <input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/> / <input type="text"/> / <input type="text"/> <i>ngày tháng năm</i>
2. <input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/> / <input type="text"/> / <input type="text"/> <i>ngày tháng năm</i>
3. <input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/> / <input type="text"/> / <input type="text"/> <i>ngày tháng năm</i>
4. <input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/> / <input type="text"/> / <input type="text"/> <i>ngày tháng năm</i>
5. <input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/> / <input type="text"/> / <input type="text"/> <i>ngày tháng năm</i>

24 Có bất cứ trẻ em phụ thuộc nào kê khai trên đây hiện đã ghi danh học toàn thời gian tại trường trung học tư, cao đẳng tư, TAFE hoặc đại học? Dependant children enrolled in full time education

Học tập toàn thời là việc học tương đương với tối thiểu 20 giờ mỗi tuần.

- Có *Kèm chứng cứ của việc ghi danh*
Yes
- Không *Qua câu kể*
No

25 Quý vị hiện có nhận lợi tức nào từ việc làm có trả lương? (Income from paid employment)

Việc làm bao gồm bất cứ loại việc làm nào toàn thời, bán thời, bất định kỳ hoặc theo mùa.

- Có *Qua câu hỏi 26*
Yes
- Không *Qua câu hỏi 27*
No

26 Quý vị hiện đang làm việc cho bao nhiêu chủ nhân? (Number of current employers)
 Số chủ nhân (Number of employers)

- Mỗi chủ nhân phải điền riêng rẽ các câu hỏi 29-41*
- Kèm bản sao của các phiếu lương trong 3 tháng vừa qua đối với mỗi chủ nhân. Nếu quý vị làm việc chưa tới 3 tháng, thì kèm tất cả phiếu lương nào có được cùng với bản sao hợp đồng làm việc của quý vị.*

Rồi qua câu hỏi 27

27 Người bạn đời của quý vị hiện có nhận lợi tức nào từ việc làm có trả lương? (Is partner in receipt of income from paid employment?)

Việc làm bao gồm bất cứ loại việc làm nào toàn thời, bán thời, bất định kỳ hoặc theo mùa.

- Có *Qua câu hỏi 28*
Yes
- Không *Qua câu hỏi 55*
No

28 Người bạn đời của quý vị hiện đang làm việc cho bao nhiêu chủ nhân? (How many employers does your partner currently work for?)
 Số chủ nhân của người bạn đời (Number of partner's employers)

- Mỗi chủ nhân của người bạn đời của quý vị phải điền riêng rẽ các câu hỏi 42-54*
- Kèm bản sao của các phiếu lương trong 3 tháng vừa qua đối với mỗi chủ nhân của người bạn đời. Nếu người bạn đời của quý vị làm việc chưa tới 3 tháng, thì kèm tất cả phiếu lương nào có được cùng với bản sao hợp đồng làm việc của họ.*

Rồi qua câu hỏi 55

Chi tiết chủ nhân của quý vị – Câu hỏi 29-41 phải được chủ nhân điền vào (Your employment details - Questions 29-41 must be completed by employer)

29 Employee name 30 Employer name 31 Employer address

Postcode

32 Employer ABN

33 Payroll contact 34 Payroll phone

35 The employee listed at question 29 works

 Full time Part time Casual Seasonal

36 Employment commencement date

/ /
day month year

37 Base hours worked per week

base hours per week

38 Ordinary gross earnings (before tax) per week

gross per week

39 In the past 12 months, did the employee receive any allowance, bonus or commission payment?

 Yes Attach details of the allowance, bonus or commission and its value No

40 In the past 12 months, did the employee receive any fringe benefits?

 Yes Attach details of benefits provided including the non 'grossed up' value No

41 Employer declaration

I declare that the information provided on this form and the accompanying documents is accurate and complete. I recognise that should information in this form later prove to be false or misleading, any decision made as a result of this application may be reversed, the enrolment of the temporary resident student in the NSW Government school may be terminated and debt recovery may commence. I understand information collected will be used and stored consistent with the *Privacy and Personal Information Protection Act 1998* and *Health Records and Information Privacy Act 2002*.

Payroll officer signature

Date

/ /
day month year

Kèm bản sao của các phiếu lương trong 3 tháng vừa qua từ chủ nhân này. (Attach a copy of the last 3 months payslips from this employer.)

Chiều theo *Fairwork Act 2009* (Đạo luật Công bằng Lao động), tất cả chủ nhân phải cung cấp phiếu lương cho nhân viên của họ. Các phiếu lương này phải có tên của chủ nhân, Danh số Thương nghiệp Úc (Australian Business Number (ABN)), tên của nhân viên, ngày trả lương, thời kỳ được trả lương, khoản lương gộp và khoản lương lãnh được (sau khi trừ thuế và các khoản khác).

Under the *Fairwork Act 2009*, all employers must provide their employees with a payslip. These payslips must show the name of the employer, the Australian Business Number (ABN), the employee name, the date of payment, the pay period, the gross amount of pay and the net amount of pay.

Chi tiết làm việc của người bạn đời – Câu hỏi 42-54 phải được chủ nhân điền vào (Partner employment details - Questions 42 -54 must be completed by employer)

42 Employee name 43 Employer name 44 Employer address

Postcode

45 Employer ABN

46 Payroll contact 47 Payroll phone

48 The employee listed at question 42 works

 Full time Part time Casual Seasonal

49 Employment commencement date

day

month

year


50 Base hours worked per week

per week

51 Ordinary gross earnings (before tax) per week

gross per week

52 In the past 12 months, did the employee receive any allowance, bonus or commission payment?

 Yes  Attach details of the allowance, bonus or commission and its value No

53 In the past 12 months, did the employee receive any fringe benefits?

 Yes  Attach details of benefits provided including the non 'grossed up' value No

54 Employer declaration

I declare that the information provided on this form and the accompanying documents is accurate and complete. I recognise that should information in this form later prove to be false or misleading, any decision made as a result of this application may be reversed, the enrolment of the temporary resident student in the NSW Government school may be terminated and debt recovery may commence. I understand Information collected will be used and stored consistent with the *Privacy and Personal Information Protection Act 1998* and *Health Records and Information Privacy Act 2002*.


Payroll Officer Signature

Date

day

month

year

 Kèm bản sao của các phiếu lương trong 3 tháng vừa qua từ chủ nhân này.  (Attach a copy of the last 3 months payslips from this employer.)

Chiếu theo *Fairwork Act 2009* (Đạo luật Công bằng Lao động), tất cả chủ nhân phải cung cấp phiếu lương cho nhân viên của họ. Các phiếu lương này phải có tên của chủ nhân, Danh số Thương nghiệp Úc (Australian Business Number (ABN)), tên của nhân viên, ngày trả lương, thời kỳ được trả lương, khoản lương gộp và khoản lương lãnh được (sau khi trừ thuế và các khoản khác).

Under the *Fairwork Act 2009*, all employers must provide their employees with a payslip. These payslips must show the name of the employer, the Australian Business Number (Australian Business Number (ABN)), the employee name, the date of payment, the pay period, the gross amount of pay and the net amount of pay.

55 Quý vị hoặc người bạn đời hiện có hành nghề độc lập, có cổ phần trong một thương nghiệp hoặc điều hành một thương nghiệp với cương vị người buôn bán cá thể, hợp tác hoặc công ty (bên trong hoặc bên ngoài nước Úc)?

Are you or your partner self-employed, have a share in a business or operate a business as a sole trader, partnership or company (inside or outside of Australia)?

Có **Yes** Điền trả lời tất cả các câu hỏi từ 56 đến 64

Không **No** Điền trả lời tất cả các câu hỏi từ 60 đến 64

56 Tên thương nghiệp

Business name

57 Số ABN của thương nghiệp

Business ABN

58 Thương nghiệp được điều hành từ địa chỉ cư trú của quý vị?

Is the business operated from your residential address?

Có **Yes**

Không **No**

59 Quý vị hoặc người bạn đời của quý vị đã khởi sự thương nghiệp này vào ngày nào?

On what date did you or your partner commence this business?

 / /

ngày

tháng

năm

Kèm theo các giấy tờ sau đối với thương nghiệp:

- Bản sao Tờ khai Lợi & Lỗ (Profit & Loss Statement) cho 12 tháng buôn bán vừa qua
- Bản sao đầy đủ của tờ khai thuế cá nhân hoặc thuế công ty đã nộp gần đây đối với thương nghiệp
- Bản sao của bốn (4) Tờ khai Hoạt động Kinh doanh (Business Activity Statements) vừa qua đối với thương nghiệp.

60 Quý vị hoặc người bạn đời của quý vị hiện có nhận được hỗ trợ tài chính từ một tổ chức từ thiện có đăng ký?

Do you or your partner currently receive financial support from a registered charity?

Có **Yes**

Kèm thư của tổ chức từ thiện có nêu rõ chi tiết việc hỗ trợ mà họ cung ứng

Không **No**

61 Quý vị hoặc người bạn đời của quý vị hiện có nhận được hỗ trợ tài chính, chỗ ở hoặc trợ giúp tiền thuê nhà từ chủ nhân, chính phủ, tổ chức từ thiện, giáo hội hoặc người nào không thân thích?

In receipt of financial support, accommodation or rental assistance from an employer, government agency, charity, church or non family member

Có **Yes**

Kèm lá thư từ người bảo trợ có nêu chi tiết việc hỗ trợ mà họ cung ứng

Không **No**

62 Quý vị hoặc người bạn đời của quý vị hiện có được (các) thân nhân hỗ trợ về mặt tài chính, chỗ ở hoặc trợ giúp tiền thuê nhà?

In receipt of financial support, accommodation or rental assistance from family members

Có **Yes**

Kèm lá thư từ người bảo trợ có nêu chi tiết việc hỗ trợ mà họ cung ứng

Không **No**

63 Quý vị hoặc người bạn đời của quý vị có nhận được bất cứ trợ giúp, hỗ trợ tài chính hoặc lợi tức (kể cả lợi tức thương nghiệp, lệ phí giám đốc, tiền hỗ trợ nuôi con hoặc lợi tức cho thuê nhà) nào khác mà chưa được nói đến trong đơn này? (In receipt of any other support not already mentioned in this form)

Có **Yes**

Kèm lá thư từ người bảo trợ có nêu chi tiết việc hỗ trợ mà họ cung ứng

Không **No**

64 Tuyên khai của ứng viên và người bạn đời (Declaration by applicant and partner)

Tôi/Chúng tôi tuyên khai rằng thông tin cung cấp trong đơn này và các chứng từ kèm theo là chính xác và hoàn chỉnh. Các thay đổi đến thông tin cá nhân có thể được chỉnh sửa bằng cách liên lạc đến Chương trình Cư dân Tạm trú. Tôi/Chúng tôi thừa nhận rằng nếu sau này có chứng cứ cho thấy thông tin trong đơn này là dối trá hoặc sai lạc, thì bất cứ quyết định nào có được do kết quả của đơn này có thể bị đảo ngược, việc ghi danh của học sinh tạm trú tại trường Công lập NSW có thể bị chấm dứt và cơ quan chức năng có thể bắt đầu việc thu hồi khoản tiền còn thiếu. Trong lúc việc cung cấp thông tin là tự nguyện, nếu quý vị không cung cấp tất cả hoặc bất cứ thông tin nào, điều này có thể dẫn đến việc chậm trễ hoặc cản trở việc cứu xét đơn này.

Tôi/Chúng tôi cho phép Bộ Giáo dục xác nhận các chi tiết nêu trong đơn này với chủ nhân hoặc kế toán của tôi/chúng tôi hoặc Department of Immigration and Border Protection (Bộ Di trú và Biên phòng Úc) và Australian Taxation Office (Sở Thuế Vụ Úc). Tôi/Chúng tôi hiểu rằng thông tin được thu thập sẽ được sử dụng và lưu trữ một cách phù hợp với Đạo luật Bảo vệ Quyền Riêng tư và Thông tin Cá nhân 1998 và Đạo luật Quyền Riêng tư Thông tin và Hồ sơ Y tế 2002.

Chữ ký của người nộp đơn

Applicant signature

 / /

ngày

tháng

năm

Chữ ký của người bạn đời

Partner signature

 / /

ngày

tháng

năm